

Số: /2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng 9 năm 2025

DI P TH A O

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của tỉnh Lào Cai năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về đề nghị ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026; báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương của tỉnh Lào Cai năm 2026, áp dụng cho giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Bãi bỏ một số các Nghị quyết

1. Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, giai đoạn 2022- 2025;

2. Nghị quyết 71/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

3. Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022- 2025

4. Nghị quyết 57/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái;

5. Nghị quyết 49/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 3 Nghị quyết 71/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

6. Nghị quyết 42/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết về phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi, và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025, Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

7. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025.

8. Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 8 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá I - Kỳ họp thứ ...thông qua ngày ... tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT văn bản QPPL và XL VPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của tỉnh Lào Cai năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp; các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, giao, chấp hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu

a) Phát huy được tối đa tiềm năng thế mạnh của tỉnh sau hợp nhất, tạo động lực để khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, phấn đấu nâng cao dần tỷ lệ tự chủ, tự cân đối của ngân sách địa phương; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh, đồng thời hỗ trợ cho các xã, phường khó khăn chưa tự cân đối được ngân sách.

b) Thực hiện phân cấp tối đa các nguồn thu, nhiệm vụ chi cho cấp xã theo nguyên tắc nguồn thu, nhiệm vụ chi gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó quản lý, thực hiện và chịu trách nhiệm, nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp xã trong quản lý thu, chi ngân sách, tăng cường nguồn lực cho cấp xã để chủ động đáp ứng yêu cầu chi tại chỗ, đồng thời khuyến khích các xã, phường đẩy mạnh tăng thu để tự cân đối ngân sách, giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho cấp xã.

c) Đơn giản, dễ thực hiện, công khai, minh bạch, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý điều hành thu, chi ngân sách địa phương; hạn chế phân chia các nguồn thu, nhiệm vụ chi có quy mô nhỏ lẻ cho nhiều cấp ngân sách; thực hiện phân chia một số nguồn thu do cấp tỉnh quản lý trên địa bàn cấp

xã để khuyến khích cấp xã phối hợp trong công tác quản lý nguồn thu, chống thất thu ngân sách; đồng thời có tỷ lệ phân chia phù hợp đối với các nguồn thu ngân sách có tính chất không ổn định thường xuyên cho cấp xã như: thu từ thủy điện, thu từ hoạt động khai thác khoáng sản... để bảo đảm không làm mất cân đối ngân sách cấp xã khi nguồn thu có biến động lớn.

d) Thực hiện cơ chế thưởng tăng thu ngân sách, thưởng giảm nợ đọng thuế đối với các khoản thu do ngân sách tỉnh hưởng, để khuyến khích các xã, phường phấn đấu tăng thu ngân sách, tích cực phối hợp xử lý nợ đọng thuế.

2. Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

a) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong phân bổ và thực hiện chi ngân sách địa phương theo hướng đơn giản, dễ làm, dễ thực hiện, tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, xóa bỏ tình trạng “xin cho” trong phân bổ ngân sách; nhằm thúc đẩy cơ cấu lại chi ngân sách địa phương theo hướng triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư phát triển.

b) Đảm bảo tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 (trừ các chính sách, chế độ mới tăng thêm), cơ bản không cao hơn mức dự toán năm 2025 và dự toán chi hoạt động thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị năm 2026 không thấp hơn mức dự toán chi hoạt động thường xuyên được giao năm 2025 (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoạt động); **ưu tiên bố trí kinh phí để các xã, phường đáp ứng được toàn diện các yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo phân cấp, phân quyền.**

c) Đảm bảo kinh phí thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi theo phân cấp và quy định của cấp có thẩm quyền đến thời điểm ban hành định mức, trường hợp sau thời điểm ban hành định mức phát sinh chế độ chính sách mới, kinh phí sẽ được tính toán phân bổ tăng thêm theo quy định.

d) Kinh phí chi thường xuyên phân bổ đối với các cơ quan, đơn vị, xã, phường đã bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất lương của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; chi thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên, đối tượng chính sách xã hội theo chế độ quy định; chi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ quy định; chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy và **chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.**

đ) Định mức chi phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các xã, phường là mức tối thiểu, các xã, phường có thể điều chỉnh bổ sung tăng thêm định mức theo chế độ quy định và khả năng nguồn kinh phí của ngân sách cấp xã, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, công bằng, công khai, minh bạch.

e) Kinh phí phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, được xác định bằng định mức được phân bổ theo Nghị quyết này trừ (-) số thu sự nghiệp được để lại sau khi trừ chi phí thu, để tăng cường tính tự chủ, giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công theo quy định của cấp có thẩm quyền.

f) Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi tổ chức bộ máy, thì định mức chi hoạt động thường xuyên sẽ được điều chỉnh tương ứng với quy mô, chức năng, nhiệm vụ sau khi được tổ chức lại; đối với các đơn vị thành lập mới, thì áp dụng định mức giao khoán chi hoạt động thường xuyên theo từng lĩnh vực tương ứng.

Chương II **PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

Điều 3. Xác định địa bàn thu ngân sách

1. Địa bàn thu nguồn sỏch nhà nước được xỏc định trong xỏy dựng dự toỏn, giao dự toỏn, hạch toỏn và quyết toỏn thu nguồn sỏch là địa bàn cấp xỏ nơi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nộp nguồn sỏch đúng trụ sở chính hoặc địa bàn cấp xỏ nơi hộ gia đởnh, cỏ nhỏn nộp nguồn sỏch đăng ký địa điểm kinh doanh, trừ cỏ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

2. Đối với cỏ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thỏc khoáng sản hoặc sản xuất thủy điện chỉ thực hiện khai thỏc, sản xuất, kinh doanh tại một địa bàn cấp xỏ trong tỉnh Lào Cai nhưng khỏc địa bàn nơi doanh nghiệp đúng trụ sở chính: Địa bàn thu nguồn sỏch là địa bàn cấp xỏ nơi doanh nghiệp khai thỏc khoáng sản hoặc nơi doanh nghiệp cú nhà mỏy thủy điện.

3. Đối với thuế giỏ trị gia tăng khấu trừ qua thanh toỏn khối lượng cỏ cung trỏnh xỏy dựng cơ bản bằng nguồn vốn nguồn sỏch nhà nước: Địa bàn thu nguồn sỏch là địa bàn cấp xỏ nơi cú cung trỏnh xỏy dựng.

4. Đối với cỏ khoản thu lệ phớ trước bạ nhà, đất; tiền sử dụng đất; tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; tiền cho thuê nhà, tiền bỏn nhà; tiền bảo vệ, phỏt triển đất trồng lỳa và cỏ khoản thu khỏc từ nhà, đất: Địa bàn thu nguồn sỏch là địa bàn cấp xỏ nơi cú nhà, đất, mặt nước.

5. Đối với cỏ khoản phớ, lệ phớ và thu khỏc nguồn sỏch do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cung lập thực hiện thu: Địa bàn thu nguồn sỏch là địa

bàn cấp xó nơi cơ quan, đơn vị thu đúng trụ sở.

6. Địa bàn xã trung tâm của đơn vị hành chính cấp huyện (cũ) làm căn cứ phân chia các khoản thu gồm các xã: xã Yên Bình; xã Trấn Yên; xã Lục Yên; xã Mậu A; xã Văn Chấn; xã Hạnh Phúc; xã Mù Cang Chải; xã Bảo Yên; xã Văn Bàn; xã Bát Xát; xã Xi Ma Cai; xã Bắc Hà; xã Mường Khương; xã Bảo Thắng.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Nguồn thu của ngân sách địa phương (bao gồm cả tiền chậm nộp) được hưởng theo quy định, ngân sách tỉnh hưởng 100%, gồm:

- a) Thu từ doanh nghiệp trung ương;
- b) Thu từ doanh nghiệp địa phương;
- c) Thu doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài;
- d) Thu xổ số kiến thiết;
- e) Thuế thu nhập cá nhân do Thuế tỉnh quản lý;
- f) Thuế bảo vệ môi trường **thu từ hàng hoá sản xuất trong nước**;
- g) Thu phí, lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trực tiếp thu (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản);
- h) Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh thực hiện;
- i) Thu từ cổ tức lợi nhuận;
- k) Thu khác ngân sách do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;
- l) Thu kết dư của ngân sách cấp tỉnh;
- m) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;
- n) Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;**
- o) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương;**
- p) Các khoản thu khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của ngân sách địa phương (bao gồm cả tiền chậm nộp) được hưởng theo quy định, ngân sách cấp xã hưởng 100%

- a) Thu ngoài quốc doanh do Thuế cơ sở quản lý; (trừ thu ngoài quốc doanh trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện cũ và trên địa bàn các phường).
- b) Thu lệ phí trước bạ (trừ thu lệ phí trước trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện cũ và trên địa bàn các phường);
- c) Thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý (trừ thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện cũ và trên địa bàn các phường);
- d) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- đ) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- e) Thu phí, lệ phí do xã, phường trực tiếp thu;
- f) Thu tiền cho thuê và bán nhà ở do cấp xã thực hiện;
- g) Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích tại xã;
- h) Thu khác ngân sách do cấp xã thực hiện;
- i) Thu tiền sử dụng đất do cấp xã thực hiện (sau khi điều tiết 15% cho ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước).
- k) Thu huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện.
- l) Thu kết dư của ngân sách cấp xã;
- m) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;
- n) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;**
- o) Các khoản thu khác do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn thu của ngân sách địa phương (bao gồm cả tiền chậm nộp) được hưởng theo quy định, phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã như sau:

- a) Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý;
- b) Thu ngoài quốc doanh từ thủy điện do Thuế cơ sở quản lý;**
- c) Thu ngoài quốc doanh trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường;
- d) Thu lệ phí trước bạ trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường;
- đ) Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường;
- e) Thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;
- f) Thu tiền thuê đất trả tiền hàng năm;
- g) Thu tiền cho thuê mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;**
- h) Thu tiền cho thuê mặt nước trả tiền hàng năm;**
- i) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- k) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do địa phương cấp;
- l) Thu huy động đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường;
- m) Thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện (sau khi điều tiết 15% cho ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước);**

n) Các khoản thu phân chia khác giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm theo Quy định này).

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

- a) Chi đầu tư phát triển;
- b) Chi thường xuyên bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;
- c) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia;
- d) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay;
- đ) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- e) Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ;
- f) Chi cho vay theo quy định của Chính phủ;
- g) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh;
- h) Chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã;
- i) Chi từ các khoản huy động, đóng góp;
- k) Chi hỗ trợ thực hiện mọi số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật ngân sách nhà nước;
- l) Các khoản chi khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

- a) Chi đầu tư phát triển;
- b) Chi thường xuyên bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan, đơn vị ở cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật;
- c) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia;
- d) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã;
- đ) Chi từ các khoản thu huy động, đóng góp;
- e) Chi hỗ trợ thực hiện mọi số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật ngân sách nhà nước.
- f) Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm theo Quy định).

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 6. Tiêu chí phân bổ và hệ số điều chỉnh định mức phân bổ

1. Tiêu chí phân bổ

a) Tiêu chí biên chế để phân bổ kinh phí chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy được xác định theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm (bao gồm cả hợp đồng của các cơ quan quản lý hành chính theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ).

b) Tiêu chí dân số, học sinh, sinh viên, km đường giao thông, thôn, tổ dân phố và các tiêu chí khác để phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn được xác định theo số liệu của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm.

c) Xã khu vực III thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp tại thời điểm ban hành định mức chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền, thì xã khu vực III để phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 tạm thời được xác định là xã có địa bàn xã (cũ) thuộc khu vực III; từ năm 2027 được thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

d) Tiền lương của số biên chế chênh lệch thiếu giữa biên chế giao và biên chế có mặt được xác định bằng mức lương bậc 01 (một) tiền lương, các khoản có tính chất lương của ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng (trừ sự nghiệp giáo dục).

đ) Địa bàn xã trung tâm của đơn vị hành chính cấp huyện (cũ) làm căn cứ phân bổ dự toán chi, gồm các xã: xã Yên Bình; xã Trấn Yên; xã Lục Yên; xã Mậu A; xã Văn Chấn; xã Hạnh Phúc; xã Mù Cang Chải; xã Bảo Yên; xã Văn Bàn; xã Bát Xát; xã Xi Ma Cai; xã Bắc Hà; xã Mường Khương; xã Bảo Thắng.

e) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc từ 2 tiêu chí phân bổ trở lên, thì thực hiện phân bổ dự toán chi theo 01 tiêu chí có định mức cao nhất.

2. Hệ số điều chỉnh định mức phân bổ

a) Đối với đơn vị sự nghiệp có từ 50 biên chế trở lên, thì từ biên chế thứ 50 trở lên thì định mức phân bổ tính giảm 01 triệu đồng/biên chế.

b) Đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh, cấp xã có dưới 15 biên chế được bổ sung thêm định mức bằng 0,2 nhân với (15 - số biên chế giao) nhân với định mức phân bổ theo biên chế.

Điều 7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

1. Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương

a) Phân bổ kinh phí tiền lương, các khoản có tính chất lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm cả tiền lương của số biên chế chênh lệch thiếu giữa biên chế giao và biên chế có mặt), quỹ thưởng theo biên chế có mặt trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, để khuyến khích các đơn vị tinh giản biên chế và tiết kiệm chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Riêng đối với chi sự nghiệp giáo dục: đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp, quỹ thưởng và các khoản có tính chất lương theo biên chế có mặt trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Trường hợp số biên chế có mặt tại thời điểm tính dự toán thấp hơn so với biên chế được cấp có thẩm quyền giao, xác định quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển như sau: Đảm bảo quỹ tiền lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao) theo hệ số lương bậc 1 của hạng thấp nhất, phụ cấp đứng lớp, phụ cấp khu vực và các khoản đóng góp theo quy định mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng). Đối với các khoản phụ cấp khác (phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn,...), quỹ thưởng theo quy định của pháp luật sẽ được xác định cụ thể theo thực tế tuyển dụng biên chế của từng cấp học, từng đơn vị.

b) Trường hợp trong năm ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách có thay đổi về biên chế được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thì kinh phí sẽ được điều chỉnh tăng, giảm tương ứng. Mức kinh phí tăng, giảm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị dự toán trong quá trình điều hành ngân sách hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định **theo chế độ quy định và báo cáo lại Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.**

2. Chi thực hiện chế độ đối với học sinh, sinh viên, đối tượng chính sách xã hội và chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ quy định

a) Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ đối với học sinh, sinh viên, đối tượng chính sách xã hội và chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chế độ quy định.

b) Trường hợp trong năm ngân sách chế độ, chính sách phát sinh tăng thêm, kinh phí được bổ sung theo chế độ quy định. Mức kinh phí bổ sung cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, xã, phường phát sinh trong quá trình điều hành ngân sách hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định **theo chế độ quy định và báo cáo lại Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.**

3. Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy và chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, địa bàn

a) Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy: thực hiện giao khoán theo đầu biên chế được cấp có thẩm quyền giao để khuyến khích các cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế, tiết kiệm chi và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy được phân bổ đã bao gồm: chi nâng bậc lương, chi chuyển ngạch, nâng ngạch, chi làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức; chi sửa chữa thường xuyên xe ô tô phục vụ công tác; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc.

Trường hợp dự toán chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy tính theo định mức này thấp hơn dự toán năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn.

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, địa bàn

- Đối với đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện phân bổ theo yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách hàng năm. Mức kinh phí cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh hàng năm.

- Đối với cấp xã: thực hiện phân bổ theo tiêu chí dân số, đơn vị hành chính cấp xã, cấp thôn, số học sinh, sinh viên, số km đường giao thông và các tiêu chí phân bổ khác theo số liệu của cơ quan có thẩm quyền.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 kèm theo Quy định này).

4. Đối với kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản

Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác, kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc, kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị làm việc theo đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các trường hợp mua sắm, sửa chữa lớn cần thiết, đột xuất, cấp bách khác được bố trí, phân bổ đối với các cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách.

5. Đối với các nhiệm vụ chi cần thiết khác đó cú chủ trương, kế hoạch của cấp cú thẩm quyền dự kiến phỏt sinh cần bổ trỏ nguồn để thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 45 của Luật ngân sách nhà nước năm 2025

a) Thực hiện phân bổ theo chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, chế độ quy định và khả năng của ngân sách địa phương.

b) Mức dự toán kinh phí cụ thể do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm. Khi thực hiện giao Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định phân bổ, giao dự toán chi tiết theo chủ trương, kế hoạch của cấp có thẩm quyền, chế độ quy định, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

6. Đối với chi khác ngân sách cấp xã, dự phòng ngân sách cấp xã và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật

a) Chi khác ngân sách cấp xã: được phân bổ bằng 0,5% tổng dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

b) Dự phòng ngân sách cấp xã: được phân bổ bằng 2% tổng chi ngân sách cấp xã (không bao gồm chi từ nguồn thu huy động đóng góp; chi viện trợ; các khoản ghi thu, ghi chi; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã).

c) Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật: được phân bổ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xử lý tăng giảm thu, chi ngân sách địa phương; thưởng thành tích vượt thu ngân sách, xử lý nợ đọng thuế

1. Trường hợp đặc biệt phát sinh nguồn thu (trừ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất), từ dự án mới đi vào hoạt động trong giai đoạn 2026-2030, làm cho ngân sách địa phương các xã, phường tăng thu lớn (từ 10% dự toán thu ngân sách cấp xã được hưởng theo phân cấp trở lên, hoặc từ 10 tỷ đồng/01 năm trở lên), thì phải nộp về ngân sách tỉnh toàn bộ số tăng thu này.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu về ngân sách tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp xã theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Thường trực Hội đồng nhõn dõn tỉnh kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhõn dõn tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp số thu dự kiến tăng hoặc không đạt so với dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân quyết định điều chỉnh nhiệm vụ chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Kết thúc năm ngân sách, số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng cho các nội dung sau đây:

- a) Giảm bội chi, tăng chi trả nợ, bao gồm trả nợ gốc và lãi;
- b) Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và tăng quỹ dự trữ tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;
- c) Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương;
- d) Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng;
- đ) Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội;
- e) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Ủy ban nhân dân quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

4. Về thưởng vượt thu ngân sách, xử lý nợ đọng thuế

a) Đối với xã, phường có tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã và ngân sách cấp tỉnh không hụt thu so với dự toán, ngân sách tỉnh trích một phần theo tỷ lệ không quá 20% của số tăng thu các khoản thu phân chia này để thưởng cho xã, phường có tăng thu, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước;

b) Đối với xã, phường có số thu tiền sử dụng đất do đơn vị cấp tỉnh thực hiện thu trên địa bàn xã, phường tăng so với dự toán tỉnh giao, ngân sách tỉnh trích một phần theo tỷ lệ không quá 20% số tăng thu thưởng cho xã, phường nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước;

c) Đối với xã, phường tích cực xử lý giảm được nợ đọng thuế so với năm trước từ các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%, ngân sách tỉnh thực hiện trích theo tỷ lệ không quá 20% số thu hồi nợ đọng thuế cho xã, phường, nhưng không vượt quá số giảm nợ đọng thuế so với mức thực hiện năm trước.

5. Kết thúc năm ngân sách, trường hợp ngân sách cấp xã hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm nhiệm vụ chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của cấp xã mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách cấp xã theo khả năng của ngân sách tỉnh.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện các cơ quan, đơn vị, tổ chức, xã, phường không được tự đặt ra các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và các định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương trái với quy định này.

2. Trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách địa phương hoặc có chênh lệch lớn về số thu, chi ngân sách giữa các xã, phường cần phải điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho phù hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng lại phương án tỷ lệ phân chia các khoản thu quy định tại khoản 3 điều 4, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.